

STT	MÃ S SV	H VÀ TÊN	NGÀY SINH	L P H C PH N	KÍCH TH C		HO T T I q _s ^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
					B (m)	L (m)			
1	2021418421	Nguy n ình Anh	3/3/1996	CIE378E	6,5	10,5	17,0	CCT34	N42
2	2120619744	Phan Th Hoàng Bích	1/1/1997	CIE378E	7,0	11,0	17,5	CCT34	N42
3	1921413530	Hu nh Quang B n	29/03/1993	CIE378E	7,5	11,5	18,0	CCT34	N42
4	1921419089	ng S Công	18/05/1995	CIE378E	8,0	12,0	18,5	CCT34	N42
5	1821416013	Tr n M nh C ng	16/06/1994	CIE378E	5,0	12,5	19,0	CCT34	N42
6	2021418423	Lê H u C ng	9/10/1996	CIE378E	5,5	13,0	19,5	CCT38	N42
7	1921416557	Nguy n T n t	14/10/1995	CIE378E	6,0	10,5	15,0	CCT38	N42
8	1921418922	Bùi Gia nh	20/11/1993	CIE378E	6,5	11,0	15,5	CCT38	N42
9	1921163756	oàn V n D ng	6/4/1995	CIE378E	7,0	11,5	16,0	CCT38	N42
10	1821623836	Ph m Duy	7/3/1994	CIE378E	7,5	12,0	16,5	CCT38	N42
11	1921613458	Ph m Phú Gia	24/06/1995	CIE378E	8,0	12,5	17,0	CCT42	N42
12	1811614993	Nguy n Vi t Hi n	23/02/1993	CIE378E	5,0	13,0	17,5	CCT42	N42
13	1921410846	Phan Vi t Hi n	5/2/1992	CIE378E	5,5	10,0	18,0	CCT42	N42
14	1821415213	Nguy n Thanh Hoài	11/7/1994	CIE378E	6,0	10,5	18,5	CCT42	N42
15	1921413595	Lê c Hoàn	14/06/1994	CIE378E	6,5	11,0	19,0	CCT42	N42
16	1821414753	Lê Phi Hoàng	20/07/1993	CIE378E	7,0	11,5	19,5	CCT34	N46
17	1921413675	Lý Quang Hoàng	24/05/1995	CIE378E	7,5	12,0	15,0	CCT34	N46
18	1921417858	V n Bá Minh Hoàng	25/05/1995	CIE378E	8,0	12,5	15,5	CCT34	N46
19	1921418171	Tr n Huy Hoàng	9/2/1993	CIE378E	5,0	13,0	16,0	CCT34	N46
20	172237412	Tr n Vi t Hùng	9/9/1993	CIE378E	5,5	10,0	16,5	CCT34	N46
21	2021415132	Nguy n H u Huynh	6/9/1996	CIE378E	6,0	10,5	17,0	CCT38	N46
22	1921418162	Nguy n Duy Khánh	11/8/1995	CIE378E	6,5	11,0	17,5	CCT38	N46
23	172237428	Th Kim	25/04/1992	CIE378E	7,0	13,0	18,0	CCT38	N46
24	162233535	oàn Quang Minh	20/12/1992	CIE378E	7,5	10,0	18,5	CCT38	N46
25	1921413531	Lê C nh Quang Minh	7/9/1995	CIE378E	5,0	10,5	19,0	CCT38	N46
26	1921418168	H T n Minh	11/4/1993	CIE378E	5,5	11,0	19,5	CCT42	N46
27	1921419193	Nguy n Ngh a	12/3/1994	CIE378E	6,0	11,5	15,0	CCT42	N46
28	1921413605	Nguy n V n Ng c	22/07/1994	CIE378E	6,5	12,0	15,5	CCT42	N46
29	2020613282	Phan Bá Nguyên	22/03/1996	CIE378E	7,0	12,5	16,0	CCT42	N46
30	2021413634	Nguy n Tr n T ng Nguyên	17/06/1993	CIE378E	7,5	13,0	16,5	CCT42	N46
31	1821414758	Lý Thành Nhân	15/04/1992	CIE378E	8,0	10,0	17,0	CCT34	N42
32	1921413638	Nguy n Xuân Nh t	12/2/1994	CIE378E	5,0	11,5	17,5	CCT34	N42
33	1921413573	Lê H u Ninh	21/08/1995	CIE378E	5,5	12,0	18,0	CCT34	N42
34	1921413537	Tr n V Tr ng Ph ng	28/02/1994	CIE378E	6,0	12,5	18,5	CCT34	N42
35	1820413542	Tr n Th Thu Ph ng	26/10/1994	CIE378E	6,5	13,0	19,0	CCT34	N42
36	1921413541	Nguy n Quang	6/6/1995	CIE378E	7,0	10,5	19,5	CCT38	N42
37	2021625077	Nguy n Vi t Qu ng	9/7/1996	CIE378E	7,5	11,0	15,0	CCT38	N42
38	1921413596	Nguy n Quang Lam S n	12/4/1995	CIE378E	8,0	11,5	15,5	CCT38	N42
39	1921413679	Lê Th Tâm	8/9/1995	CIE378E	5,0	12,0	16,0	CCT38	N42
40	1921412351	V n ình Thành	12/8/1992	CIE378E	5,5	12,5	16,5	CCT38	N42
41	1921419191	Tr nh Thành	2/2/1992	CIE378E	6,0	13,0	17,0	CCT42	N42
42	1921419233	Tô ình Thành	10/5/1993	CIE378E	6,5	10,0	17,5	CCT42	N42

STT	MÃ S SV	H VÀ TÊN	NGÀY SINH	L P H C PH N	KÍCH TH C		HO T T I q _s ^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
					B (m)	L (m)			
43	1920413555	Ngô Th Thu Th o	12/4/1995	CIE378E	7,0	10,5	18,0	CCT42	N42
44	1920413660	Ngô Th Ph ng Th o	12/10/1994	CIE378E	7,5	11,0	18,5	CCT42	N42
45	2021610880	Ngô Tú Thiên	20/11/1996	CIE378E	8,0	11,5	19,0	CCT42	N42
46	171219016	Trà V n Th ng	21/07/1993	CIE378E	5,0	12,0	19,5	CCT34	N42
47	1921161337	Nguy n Duy Tính	23/10/1994	CIE378E	5,5	12,5	15,0	CCT34	N42
48	1821415200	inh Công Minh Toàn	30/10/1994	CIE378E	6,0	13,0	15,5	CCT34	N42
49	1920413671	Nguy n Th Huy n Trang	21/10/1995	CIE378E	6,5	10,0	16,0	CCT34	N42
50	1821413841	H Thiên Trúc	30/12/1992	CIE378E	7,0	10,5	16,5	CCT34	N42
51	172237501	Tr nh Công Truy n	12/11/1992	CIE378E	7,5	11,0	17,0	CCT38	N42
52	1921413547	L ng Thanh Tu n	30/07/1995	CIE378E	5,0	13,0	17,5	CCT38	N42
53	1920413602	Ph m Th Thanh Tuy n	22/09/1995	CIE378E	5,5	10,0	18,0	CCT38	N42
54	1921611922	Hoàng Qu c Vi t	22/04/1995	CIE378E	6,0	10,5	18,5	CCT38	N42
55	2021415135	Nguy n c Vinh	19/11/1996	CIE378E	6,5	11,0	19,0	CCT38	N42
56	1821415219	Nguy n Huy V	1/5/1994	CIE378E	7,0	11,5	19,5	CCT42	N42
57	1821415651	Lê Nguyên V	10/10/1992	CIE378E	7,5	12,0	15,0	CCT42	N42
58	1921413567	Lê c V ng	31/01/1995	CIE378E	8,0	11,5	15,5	CCT42	N42
59	1921413577	Ngô Thanh V	16/10/1995	CIE378E	8,0	12,0	16,0	CCT42	N42
60	2020712765	Nguy n Minh Xuân	26/11/1996	CIE378E	5,0	12,5	16,5	CCT42	N42
61	1920413571	Mai Th Kim Y n	6/3/1995	CIE378E	5,5	13,0	17,0	CCT34	N46
62					6,0	10,0	17,5	CCT34	N46
63					6,5	10,5	18,0	CCT34	N46
64					7,0	11,0	18,5	CCT34	N46
65					7,5	10,0	19,0	CCT34	N46